

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 210/2019/HNGĐ-ST

Ngày 22 tháng 8 năm 2019

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Việt Thắng; Ông Huỳnh Văn Năm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Hương - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 22 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 432/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 233/2019/QĐXX-ST ngày 30 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1988.

- Bị đơn: Chị Bùi Thúy K, sinh năm 1990.

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24/6/2019, nguyên đơn anh Trần Văn T trình bày:

- *Về hôn nhân:* Anh và chị Bùi Thúy K chung sống với nhau từ năm 2009; có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Lộc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau vào năm 2009 (Giấy chứng nhận kết hôn số 40 ngày 10/7/2009), hôn nhân tự nguyện. Nguyên nhân dẫn đến ly hôn là trong thời gian chung sống lúc đầu rất hạnh phúc nhưng hiện nay đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng hay cự cãi với nhau, bất đồng về quan điểm sống, anh và chị K đã ly thân hơn tháng nay. Xét thấy hôn nhân không hạnh phúc, anh xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Nay anh yêu cầu được ly hôn với chị K.

- *Về con chung:* Trong thời gian chung sống có 02 người con tên Trần Hạo N, sinh ngày 19/9/2010 và Trần Hải D, sinh ngày 20/5/2016. Hiện nay đang ở với chị K. Khi ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi cả 02 cháu N và D. Không yêu cầu chị K cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Anh T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Bùi Thúy K: Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng chị Bùi Thúy K vẫn vắng mặt tại tòa; không có văn bản nêu ý kiến gửi đến Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền của tòa án:* Bị đơn chị Bùi Thúy K có nơi trú tại ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Anh Trần Văn T khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với chị Bùi Thúy K tranh chấp về nuôi con. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; anh T là người khởi kiện nên xác định tư cách đương sự anh T là nguyên đơn, chị K là bị đơn được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Về thủ tục tố tụng:* Chị K đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt; Căn cứ theo khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[4] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh T và chị K không còn tình cảm thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, anh chị đã vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh và chị đã sống ly thân hơn 01 tháng nay; Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, cho anh T được ly hôn với chị K là phù hợp.

[5] *Về con chung:* Anh T và chị K có 02 người con chung tên Trần Hạo N, sinh ngày 19/9/2010 và Trần Hải D, sinh ngày 20/5/2016. Hiện nay đang sống với chị K. Khi ly hôn anh yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 cháu Nam và Đông; Không yêu cầu chị K cấp dưỡng.

Xét, con chung tên Trần Hạo N, sinh ngày 19/9/2010 và Trần Hải D, sinh ngày 20/5/2016, sống chung với chị K và hiện đang đi học nên gần gũi với chị K, ổn định về thời gian, phát triển tốt về mọi mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tiếp tục giao cháu Trần Hạo N và cháu Trần Hải D cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng (phù hợp với ước nguyện của cháu Nam tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 30/7/2019); Anh T không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

[6] *Về cấp dưỡng:* Do bị đơn vắng mặt tại tòa không có ý kiến. Nếu sau này có tranh chấp về việc cấp dưỡng nuôi con thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[7] *Về tài sản chung và nợ:* Anh T xác định tự thỏa thuận; nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[8] *Về án phí:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc anh T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 và khoản 3 Điều 68; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 9; Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn T về việc ly hôn với chị Bùi Thúy K.

Về con chung: Tiếp tục giao cháu Trần Hạo N, sinh ngày 19/9/2010 và Trần Hải D, sinh ngày 20/5/2016 cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Trần Văn T không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

2. Về án phí: Anh Trần Văn T phải nộp số tiền 300.000 đồng; ngày 28/6/2019 anh T đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003351 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, nay được chuyển thu án phí.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Chí Công